

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

1.1. Nam Bộ (NB) là vùng đất thiêng liêng, phía nam Tổ quốc. Cũng giống các vùng miền khác trên cả nước, NB có những vẻ đẹp văn hóa riêng, tạo nên những đặc điểm nổi bật. Tuy nhiên, văn hóa Nam Bộ (VHNB) vẫn nằm trong hệ thống văn hóa Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc.

1.2. Nguyễn Đình Chiểu (NĐC) là một trong những tác gia tiêu biểu của nền văn học Việt Nam và được đưa vào dạy học trong chương trình Ngữ văn phổ thông (PT) hiện hành. Sự nghiệp thơ văn của ông hết sức đặc biệt và có những đóng góp to lớn cho nền văn học trung đại Việt Nam giai đoạn cuối thế kỉ XIX nói riêng, nền văn học dân tộc nói chung. Chính môi trường VHNB đã ăn sâu và thấm đẫm trong con người NĐC, để ông trở thành nhà văn hóa lớn. Từ ông, những giá trị VHNB được thâm thấu, chắt lọc đưa vào tác phẩm của mình hết sức tự nhiên và nhuần nhị. Từ đó làm nên vẻ đẹp của những hình tượng nghệ thuật với một ngôn ngữ rất riêng, phản ánh được tính cách, tâm hồn con người NB. Vì thế, hơn một trăm năm qua, thơ văn của NĐC vẫn luôn làm say mê lòng người, nhất là người dân NB.

1.3. NĐC thuộc tác gia của văn học giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. Những sáng tác của ông tuân thủ nghiêm ngặt hệ thống thi pháp trung đại; các đặc điểm thi pháp trung đại lại giao thoa và bị “nhúng” vào toàn bộ không gian VHNB, chịu ảnh hưởng sâu đậm đặc điểm riêng của văn hóa bản địa. Vì thế, những tác phẩm thơ văn của ông có một khoảng cách nhất định đối với người học hiện nay, nhất là học sinh các vùng không thuộc NB, cách xa NB.

Trong khi đó thực tế dạy học ở trường PT hiện nay (sách giáo khoa, sách giáo viên, các tài liệu tham khảo, trình độ giáo viên...) chưa chú ý đến những đặc điểm riêng vừa nêu trên của thơ văn NĐC, đồng thời cũng chưa có giải pháp thích hợp hơn trong việc tiếp cận dạy học tác gia này một cách hiệu quả. Đó cũng chính là một trong những hạn chế của dạy học Ngữ văn hiện hành cần được nghiên cứu, khắc phục.

Xuất phát từ các lí do trên, chúng tôi nghiên cứu đề tài: “*Dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ*”.

### 2. Lịch sử vấn đề

2.1. Hướng nghiên cứu từ góc độ văn hóa Nam Bộ để hiểu thơ văn Nguyễn Đình Chiểu

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy những công trình nghiên cứu về VHNB để hiểu thơ văn NĐC thì không nhiều. Phải đến những năm 60 của thế kỉ XX, nhân dịp kỉ niệm 75 năm ngày mất của NĐC, cố thủ tướng Phạm Văn Đồng có bài: “*Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc*”. Có thể xem, đây là công trình đầu tiên của thời kì sau Cách mạng tháng Tám mở đầu cho cách nhìn nhận, đánh giá mới mẻ và khẳng định vị trí cao quý của NĐC, cũng như khẳng định những giá trị đích thực thơ văn của ông, đặc biệt là tác phẩm *Lục Vân Tiên* không chỉ hay về nội dung mà còn đẹp về hình thức, bởi nó gắn liền với văn hóa tinh thần

của đồng bào NB, đồng thời với bài viết còn mở ra một hướng nhìn mới, đúng đắn hơn về việc nghiên cứu, học tập thơ văn tác gia lớn ở NB này.

Tiếp theo sau là hàng loạt các chuyên luận, khảo cứu chú ý đến việc khai thác thơ văn NĐC để làm rõ phương diện tinh thần yêu nước, tư tưởng, nhân cách,...con người, thơ văn của ông gắn liền với VHNB nói riêng, văn hóa dân tộc nói chung.

Tóm lại, các công trình bài viết được khảo sát đều có cái nhìn rộng rãi trong việc nghiên cứu, đánh giá về cuộc đời, con người và các giá trị về nội dung, nghệ thuật thơ văn của NĐC ở nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, các công trình, bài viết này chỉ dừng lại ở mặt giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc ảnh hưởng đến cuộc đời và thơ văn NĐC chứ chưa khai thác sâu sự ảnh hưởng VHNB đối với con người (cá tính) nhà thơ được thể hiện trong thơ văn ông. Hơn nữa, nếu như có đề cập đến đặc điểm VHNB thì cũng chỉ dừng ở khía cạnh nhỏ lẻ một vài tác phẩm thể hiện qua một số hình tượng nghệ thuật hay ngôn ngữ mang tính chất tiêu biểu chứ chưa đi sâu khám phá toàn bộ thơ văn ông dưới góc nhìn VHNB cũng như chưa xây dựng thành một hệ thống nghiên cứu VHNB ảnh hưởng tới thơ văn ông. Tuy nhiên, các công trình, bài viết nghiên cứu đã khảo sát và thống kê ở trên là cơ sở hết sức quan trọng và hữu ích để giúp chúng tôi tham khảo, nghiên cứu nhằm xây dựng cơ sở lí luận cho đề tài luận án của mình.

## 2.2. Hướng nghiên cứu văn hóa Nam Bộ liên quan đến cách dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu

Qua quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy những công trình, bài viết tổ chức dạy học thơ văn NĐC theo nhiều hướng khác nhau, riêng việc tổ chức tiếp cận theo hướng VHNB lại rất ít, nếu có chăng cũng chỉ đề cập một vài khía cạnh nhỏ lẻ chứ chưa thành một hệ thống cũng như chưa đề xuất các giải pháp tổ chức dạy học thơ văn ông theo hướng VHNB một cách rõ ràng, cụ thể.

Hơn nữa, các tài liệu sách giáo viên và tài liệu tham khảo, các tác giả cũng đã hướng đến đặc điểm VHNB để khám phá tác phẩm, tuy nhiên cũng chỉ mang tính định hướng cung cấp kiến thức cho học sinh (HS) chứ chưa khám phá thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB thành một hệ thống.

Nhìn chung, xem xét tất cả những công trình trên, các tác giả đều hướng vào hoạt động tổ chức dạy học thơ văn NĐC liên quan đến VHNB nhưng chủ yếu là theo hướng tiếp cận văn hóa dân tộc để dạy học cho riêng đối với các tác phẩm cụ thể mà tác giả quan tâm, hoặc là chỉ định hướng cho việc cung cấp kiến thức liên quan đến VHNB chứ chưa phải là tập trung chú ý đến việc tổ chức dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB.

## 3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

### 3.1. Mục đích:

3.1.1. Luận án nghiên cứu đề xuất một cách dạy tác phẩm văn học từ hướng tiếp cận văn hóa; đề xuất cách thức tổ chức dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB được thể hiện ở những định hướng và qui trình tổ chức dạy học phù hợp.

3.2.2. Thông qua trường hợp điển hình là dạy học thơ văn NĐC, luận án muốn gợi mở cho giáo viên vận dụng hướng tiếp cận văn hóa trong dạy học những tác phẩm của tác giả khác, với các tác gia khác, nhằm đa dạng hóa các cách tiếp cận tác phẩm văn chương trong dạy và học văn.

### 3.2. Nhiệm vụ

3.2.1. Lựa chọn một số vấn đề lý luận về văn hóa và cách tiếp cận văn hóa trong việc dạy học thơ văn nói chung và thơ văn NĐC nói riêng.

3.2.2. Đề xuất cách thức tổ chức dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB nhằm giúp người học hiểu được những giá trị to lớn của thơ văn ông.

3.3.3. Thực nghiệm các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học thơ văn NĐC theo đề xuất của luận án nhằm chứng minh tính hiệu quả của các giải pháp sư phạm.

## 4. Khách thể, đối tượng nghiên cứu

4.1. Luận án nghiên cứu mối quan hệ giữa VHNB với thơ văn NĐC và xem như một nét độc đáo trong giá trị thơ văn của ông.

4.2. Đối tượng nghiên cứu là việc dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB.

4.3. Toàn bộ thơ văn NĐC trong mối quan hệ qua lại với VHNB. Đặc biệt, đề tài chú ý đến các tác phẩm có trong chương trình Ngữ văn THPT hiện hành.

## 5. Giả thuyết khoa học

Chất lượng dạy học thơ văn NĐC ở trường THPT chưa cao là do thiếu phương pháp tiếp cận hợp lý. Bên cạnh đó, giáo viên chưa được định hướng rõ ràng về việc dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB. Do đó, nếu tiếp cận tác phẩm văn thơ NĐC từ góc nhìn VHNB thì sẽ xác định được đúng hướng khai thác phù hợp với thực tiễn dạy học thơ văn VHNB trong nhà trường phổ thông theo hướng đổi mới, nhằm tạo nên những sắc màu riêng biệt đối với việc cảm nhận các sáng tác của ông, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học thơ văn NĐC.

## 6. Nội dung nghiên cứu

6.1. Nghiên cứu về văn hóa và VHNB: xác định và lựa chọn các quan niệm văn hóa, mối quan hệ của văn hóa và văn học; xác định đặc điểm của VHNB và vai trò của nó đối với văn học NB.

6.2. Nghiên cứu, khảo sát và phân tích làm sáng tỏ dấu ấn của đặc điểm VHNB như là một vẻ đẹp văn chương và giá trị văn hóa ấy trong các tác phẩm Đồ Chiểu.

6.3. Nghiên cứu đề xuất định hướng và cách thức tổ chức dạy học đọc hiểu thơ văn NĐC dựa vào các đặc điểm của VHNB.

## 7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu liên ngành.

7.2. Phương pháp nghiên cứu văn bản.

7.3. Phương pháp thống kê, điều tra, phỏng vấn.

7.4. Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh đối chiếu.

7.5. Phương pháp thực nghiệm.

### **8. Nơi thực hiện đề tài nghiên cứu**

Đề tài được thực hiện tại Viện Khoa học giáo dục Việt Nam và trường Đại học Bạc Liêu.

### **9. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án gồm ba chương:

Chương 1: *Một số cơ sở lý luận về dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ*

Chương 2: *Tổ chức dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ*

Chương 3. *Thực nghiệm sư phạm*

## **Chương 1: MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DẠY HỌC THƠ VĂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU DƯỚI GÓC NHÌN VĂN HÓA NAM BỘ**

Chương 1 gồm ba mục lớn *Mục 1*. Khái niệm về văn hoá, văn hóa Nam Bộ và đặc điểm văn hóa Nam Bộ; *Mục 2*. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu phản ánh sinh động vẻ đẹp của văn hóa Nam Bộ; *Mục 3*. Tiếp cận văn hóa trong dạy học tác phẩm văn học.

### **1.1. Khái niệm văn hoá, văn hóa Nam Bộ và đặc điểm văn hóa Nam Bộ**

#### **1.1.1. Khái niệm văn hóa**

Văn hóa là toàn bộ hoạt động tinh thần - sáng tạo, tác động vào tự nhiên, xã hội và con người nhằm tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần để góp phần thúc đẩy sự tiến bộ, phát triển không ngừng của đời sống xã hội.

#### **1.1.2. Khái niệm văn hóa Nam Bộ**

Do điều kiện môi trường tự nhiên và xã hội mang đặc thù riêng, vì thế, VHNB là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần do người dân NB tạo nên mang đậm dấu ấn của xứ sở NB.

#### **1.1.3. Đặc điểm văn hóa Nam Bộ**

##### **1.1.3.1. Văn hóa Nam Bộ mang dấu ấn của môi trường tự nhiên**

Về vị trí, địa hình NB được chia thành hai khu vực gồm: Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, đồng thời được hình thành từ hệ thống của hai con sông: Đồng Nai và Cửu Long. Hai con sông này đã tạo nên vùng Đồng bằng NB rộng lớn, tương đối bằng phẳng, thấp trũng và cùng với đó là mạng lưới sông ngòi chằng chịt tỏa ra khắp vùng. Vào những tháng mùa mưa, lượng nước từ thượng nguồn đổ về hai con sông này thì dòng chảy không mạnh, nên dẫn đến hiện tượng lụt lội xảy ra và gây ngập úng ở một số địa phương gần lưu vực ven sông mà người dân quen gọi đó là “*mùa nước nổi*”. Chính điều này mà đã hình thành nên lối sinh hoạt, cách sinh sống của cư dân miền sông nước nơi đây mang đặc điểm riêng như thích nghi với mùa lũ lụt, thích di chuyển, không cố định.

Về khí hậu, NB quanh năm chỉ có hai mùa mưa và nắng rõ rệt. Hơn nữa, do khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm và ít xảy ra hiện tượng bão tố, nên cuộc sống nơi đây được thoải mái, dễ chịu. Chính điều kiện môi trường mang đặc điểm riêng như thế đã tạo nên lối sinh hoạt của người dân NB như ăn ở tạm bợ, phóng khoáng, ít biết lo xa để tích cốc phòng cơ như người ở miền ngoài.

### 1.1.3.2. Văn hóa Nam Bộ mang dấu ấn của môi trường xã hội

NB là vùng đồng bằng rộng lớn “*thẳng cánh cò bay*” phì nhiêu, màu mỡ, thiên nhiên ưu đãi con người với nhiều sản vật nên đã sớm trở thành miền đất hứa cho các cộng đồng lưu dân tìm đến mưu sinh, như người Việt, Chăm, Hoa,... tìm đến lập nghiệp vào khoảng đầu thế kỷ thứ XVI, riêng người Khmer thì có thể sớm hơn, khoảng thế kỷ XIII. Mãi đến năm 1698 của thế kỷ XVII, Chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược vùng đất Đồng Nai. Tại đây, Nguyễn Hữu Cảnh đã xác lập được quyền quản lý của bộ máy chính quyền nhà Nguyễn ở vùng đất NB. Từ sự kiện quan trọng này, NB chính thức được “*tích hợp*” về với chúa Nguyễn, trở thành một bộ phận lãnh thổ của xứ Đàng Trong và cho mãi đến ngày nay.

Nhìn chung, cộng cư trên vùng đất mới, trong đời sống sinh hoạt, các tộc người ở đây bao đời nay luôn gắn bó, chan hòa với nhau, cũng như luôn nhân ái, đoàn kết trong lao động sản xuất cũng như trong công cuộc đấu tranh chống giặc bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước.

Về cách tổ chức xã hội ở NB, những người di dân đến vùng đất này đã tự biết phân bố theo đơn vị cư trú như xã, ấp. Vì thế, họ gắn bó với nhau theo quan hệ láng giềng, hàng xóm chứ không còn theo mối quan hệ dòng họ tộc huyết thống như ở nơi cổ hương.

Về lao động, sản xuất, người dân NB làm rất nhiều nghề nhưng chủ yếu làm nghề nông và do kiểu canh tác kết hợp chặt chẽ giữa ruộng và vườn nên đã được đặc điểm riêng trong việc phát triển về đời sống kinh tế của họ. Điều này đã tạo nên một nét văn hóa hết sức độc đáo trong đời sống sinh hoạt, sản xuất của cư dân nơi đây.

### 1.1.3.3. Văn hóa Nam Bộ in đậm dấu ấn của các yếu tố vật thể

Về việc cư trú, do điều kiện thiên nhiên ưu ái, khoáng đãi nên cuộc sống con người nơi đây luôn được sung túc, thoải mái. Hơn nữa, khí hậu thì mát mẻ, ít bão tố, rét mướt nên đã ảnh hưởng đến văn hóa cư trú của cư dân NB như thích sống tạm bợ, ít phải lo xa,...

Còn việc đi lại, vận chuyển cũng được người dân nơi đây lựa chọn những phương tiện sao cho phù hợp với điều kiện địa hình sông nước. Ở trên đất liền thì các cư dân NB xưa kia thường đi bộ, có khi dùng xe bò, xe ngựa, xe thò,... đối với vùng sông nước thì họ dùng xuồng, ghe, thuyền, bè,... Đặc biệt ở miền Tây Nam Bộ, kênh rạch rất chằng chịt, việc sử dụng xuồng, ghe của cư dân nơi đây hết sức quan trọng và thiết yếu.

Đối với văn hoá ẩm thực, NB là vùng đồng bằng sông nước, kênh rạch chằng chịt nên đã cung cấp cho người dân nơi đây nhiều sản vật, riêng đối với nguồn thủy sản thì vô cùng phong phú, đa dạng như tôm, cá, ốc, lươn, rùa, rắn, nhêu, sò,... Do đó, trong cơ cấu bữa ăn của người NB luôn được bắt nguồn từ tự nhiên với các món ăn từ thiên nhiên ưu đãi và trong cách chế

biến món ăn mang nét đặc điểm riêng, vừa hợp khẩu vị của người dân nơi đây, vừa đảm bảo hoàn cảnh sinh hoạt lao động của họ.

Về trang phục, sống trong điều kiện môi trường thiên nhiên quanh năm nóng, ẩm và phải quần quật với những công việc nặng nhọc trên đồng ruộng nên người NB cũng lựa chọn những trang phục sao cho vừa thích ứng với môi trường thiên nhiên lại vừa phù hợp, tiện lợi cho điều kiện sinh hoạt của mình.

#### *1.1.3.4. Văn hóa Nam Bộ in đậm dấu ấn các yếu tố phi vật thể*

Tín ngưỡng, tôn giáo, nơi đây đã hội đủ cả 6 tôn giáo lớn của nước ta. Có thể nói, đây là khu vực đứng đầu trong cả nước về số lượng tín ngưỡng tôn giáo. Tuy nhiên, các tôn giáo, tín ngưỡng ở NB có điểm chung là luôn có sự dung hòa và tạo nên sự gần gũi, phù hợp với nhận thức, tâm lí của các tộc người.

Về phong tục, tập quán, lễ hội, các tộc người sống trên vùng đất NB đều có những phong tục, tập quán, lễ hội riêng. Tuy nhiên, trong quá trình cộng cư, các dân tộc luôn có sự giao thoa, ảnh hưởng lẫn nhau, từ đó đã hình thành nên phong tục, tập quán và lễ hội ở NB rất phong phú, đa dạng.

Về văn học, những lưu dân đến vùng đất NB để lập nghiệp thì đa số là mù chữ nên dòng văn học dân gian thể hiện bằng phương thức truyền miệng được phổ biến và phát triển rất mạnh nhằm đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của họ. Bên cạnh dòng văn học dân gian, NB còn có dòng văn chương bác học được thể hiện qua các nhóm tiêu biểu như *Chiêu Anh Các*, *Gia Định tam gia thi*, *Bạch Mai thi xã*. Ngoài ra, ở NB lúc bấy giờ còn xuất hiện các tác phẩm văn chương du nhập từ Trung Quốc góp phần làm phong phú thêm cho dòng văn học bác học này.

Về nghệ thuật, các tộc người tiêu biểu ở NB: Việt, Hoa, Khmer, Chăm đều có loại hình sinh hoạt nghệ thuật riêng. Điều này đã tạo cho loại hình nghệ thuật của cộng đồng cư dân ở NB trở nên hết sức đa dạng và phong phú.

Nói đến đặc điểm văn hóa NB thì không quên nhắc đến ngôn ngữ. Đặc điểm nổi bật của vùng đất NB là nhờ vào hai yếu tố: tự nhiên và hoàn cảnh xã hội. Hai yếu tố này đã tác động và ảnh hưởng đến việc hình thành ngôn ngữ của người dân miền đất mới và mang được đặc điểm riêng so với các vùng miền khác trên cả nước.

## **1.2. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu phản ánh sinh động vẻ đẹp của văn hóa Nam Bộ**

### ***1.2.1. Vẻ đẹp con người Nam Bộ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu***

#### *1.2.1.1. Trọng nghĩa khinh tài*

Tính cách trọng nghĩa khinh tài ở các hình tượng nhân vật trong thơ văn NĐC đã làm toát lên nét đẹp tính cách của người NB. Họ là những con người trọng đạo đức nghĩa nhân, sống hết lòng vì đời, vì người và xem việc cứu giúp, cứu mang người hoạn nạn là việc làm hết sức tự nhiên, là trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân mà không hề tiếc nuối, đắn đo hay để mưu cầu danh lợi.

### 1.2.1.2. *Cương trực, thẳng thắn, yêu ghét phân minh*

Tính cách cương trực, thẳng thắn, yêu ghét phân minh ở các hình tượng nhân vật trong thơ văn NĐC đã làm sáng rõ hơn vẻ đẹp của khí phách, rắn rỏi, trung trinh của người NB. Họ luôn đứng trên lập trường chính nghĩa, cương trực từ lời nói, hành động cho đến thái độ yêu ghét. Tất cả đều luôn thống nhất, hòa quyện vào nhau làm một tạo nên con người chính trực, thẳng ngay, không bao giờ xu nịnh, hay chịu ép mình luồn cúi trước mọi thế lực hay cường quyền nào.

### 1.2.1.3. *Coi trọng thực tiễn và thiết thực*

Tính cách coi trọng thực tiễn và thiết thực của các hình tượng nhân vật trong thơ văn NĐC là một trong nét tính cách đẹp đẽ của người NB. Họ không thích những gì xa lạ, cao sang mà luôn ưa chuộng những thứ bình dị, gần gũi và thiết thực nhất cho bản thân, gia đình, họ hàng và láng giềng thôn xóm cũng như mối quan hệ, cách ứng xử với nhau bằng tình nghĩa, đạo đức hết sức sáng trong, chân tình và tốt đẹp nhất.

### 1.2.1.4. *Hào hiệp, phóng khoáng*

Tính cách hào hiệp, phóng khoáng của các hình tượng nhân vật, NĐC đã làm bật lên vẻ đẹp riêng ở lòng mến khách, quý trọng tình cảm của người NB. Vì thế, khi thực hành điều nhân nghĩa, người NB luôn đặt nặng chữ tình lên trên hết mà không suy nghĩ nhiều về lợi ích cho riêng bản thân mình.

### 1.2.1.5. *Tinh thần yêu nước mang sắc thái riêng*

Có thể khẳng định, sống trong hoàn cảnh lịch sử xã hội ở cuối thế kỉ XIX, tư tưởng yêu nước của NĐC xuất phát từ quan điểm Nho giáo là tất yếu. Tuy nhiên, chính trong cơn thử thách của lịch sử, quan điểm và lập trường nhân dân đã giúp ông có cái nhìn tiến bộ. Đó là ông hướng về quần chúng nhân dân và đại diện cho tiếng nói của nhân dân thời đại để đấu tranh đòi quyền độc lập, tự do cho dân tộc.

### 1.2.1.6. *Ứng xử có văn hóa, hợp nghĩa, hợp tình*

Những lưu dân đến vùng đất NB vốn là người lao động và phần đa là không được ăn học, ít chữ nghĩa nhưng những hành vi ứng xử của họ thì hết sức nghĩa tình và có văn hóa. Từ đó đã tạo nên vẻ đẹp rất riêng ở tính cách của người NB.

### 1.2.1.7. *Con người luôn hòa hợp với thiên nhiên Nam Bộ*

Bằng cảm nhận thật tinh tế, tác giả đã khắc họa được tâm hồn con người NB luôn hòa quyện, gắn bó với môi trường thiên nhiên của quê hương nơi đây ở những buổi đầu khai phá còn lấm hoang sơ. Không gian quê hương NB hiện lên trong thơ văn ông hết sức gần gũi, thân thương và cũng chính không gian này đã làm cho tâm hồn con người NB trở nên rộng mở, khoáng đạt, thích tự do, yêu chuộng hòa bình.

### 1.2.1.8. *Nguyễn Đình Chiểu hiện thân của văn hóa Nam Bộ*

Cuộc đời bất hạnh và thời đại đầy biến động đã hun đúc nên tâm hồn và nhân cách sáng ngời ở NĐC. Điều này đã thể hiện rất rõ qua trang thơ văn ông. Qua đây, có thể khẳng định, NĐC là hiện thân cho VHNB ở giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX.

### 1.2.2. Ngôn ngữ nghệ thuật đậm chất Nam Bộ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu

#### 1.2.2.1. Từ ngữ địa phương mang đậm sắc thái NB (phương ngữ NB)

- Về từ vựng:

*Bảng 1: Đối chiếu một số từ vựng tiêu biểu được sử dụng trong thơ văn NĐC so với tiếng Việt phổ thông*

Danh từ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu	Tiếng Việt phổ thông	Tính từ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu	Tiếng Việt phổ thông	Động từ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu	Tiếng Việt phổ thông
ghe	thuyền	đơ	bẩn	hốt	bóc, lấy
bấp	ngô	đui	mù	vậy lửa	nhóm lửa
vừa hương	bát hương	lụn	tàn	hối	giục
nhang	hương	biếng	lười	rước	đón
ve	lọ	xuê	tốt đẹp	xách	mang
mả	mồ	khảm	đầy	bưng	cầm
giò	chân	bê	nhiều	vô	vào
qua	tôi	tâm phào	vu vơ	luồn	xỏ
bậu	em	mắc cỡ	thẹn thùng	quảy	mang
con nít	trẻ con	chàng ràng	dềnh dàng	dòm, ngó	xem
...	...	...	...	...	...

- Về từ láy:

*Bảng 2: Khảo sát từ láy được sử dụng trong các sáng tác của NĐC*

Từ láy sử dụng trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu	Lục Vân Tiên	Dương Từ - Hà Mậu	Ngư Tiều y thuật vấn đáp	Các thể loại: Thơ Đường luật, thơ điếu, văn tế, hịch
Số lượng từ láy	496 từ láy/2.082 câu	662 từ láy/3.456 câu	560 từ láy/3.641 câu	155 từ láy/43 bài
Từ láy hoàn toàn	55 từ	69 từ	48 từ	10 từ
Từ láy bộ phận	441 từ	593 từ	512 từ	145 từ

- Về từ ngữ Hán Việt được Việt hóa

NĐC là một trong những tác giả tiêu biểu luôn có ý thức Việt hóa từ ngữ Hán Việt nhằm đưa thơ văn ông về với quần chúng, đặc biệt là gần gũi với tiếng nói và lối tư duy, trình độ nhận thức của người NB lúc bấy giờ, nhất là những người lao động ít chữ nghĩa.

- Từ ngữ bị biến âm

Nhờ sử dụng những từ ngữ mang đậm sắc thái NB, thơ văn NĐC trở nên gần gũi, mộc mạc, bình dị, dễ hiểu như lời ăn tiếng nói, của người dân nơi đây. Hơn nữa, việc sử dụng ngôn



ngữ gần gũi với lời ăn tiếng nói của người dân NB đã làm cho các sáng tác của ông chinh phục được lòng người.

#### *1.2.2.2. Thể hiện rõ cách nói, cách nghĩ, cách cảm của người NB*

Đến với thơ văn NĐC, mọi người đều hình dung rất rõ về vùng đất NB, không chỉ thể hiện được lối suy nghĩ chân chất thật thà, tình cảm trong sáng của người dân NB mà còn thấy được cả mặt đời sống sinh hoạt văn hóa tinh thần của họ. Qua đây, chúng ta thấy thơ văn NĐC đã tránh được những thứ văn chương cao siêu, xa lạ theo lối cũ mà trở nên gần gũi với quần chúng lao động bình dân và được lan tỏa khắp trong mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là những người lao động, tầng lớp dưới, ít chữ nghĩa trong xã hội NB lúc bấy giờ.

### **1.3. Tiếp cận văn hóa trong dạy học tác phẩm văn học**

#### ***1.3.1. Mối quan hệ giữa văn hoá và văn học***

##### *1.3.1.1. Văn học là bộ phận của văn hóa*

Văn học là một trong những yếu tố của hệ thống văn hóa. Văn học có chức năng phản ánh hiện thực nhưng không thể phản ánh một cách trực tiếp mà chỉ có thể phản ánh thông qua lăng kính văn hóa, thông qua “*bộ lọc*” của các giá trị văn hóa mà thôi. Như vậy, văn học là bộ phận luôn tồn tại song hành và không thể tách rời văn hóa.

##### *1.3.1.2. Văn học là yếu tố bảo tồn giá trị văn hóa*

Văn học là yếu tố rất quan trọng trong việc lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc trong thời đại mới. Ngược lại, nếu không có văn học thì các giá trị văn hóa truyền thống sẽ khó có thể được bảo tồn và lưu giữ.

*1.3.1.3. Văn học không chỉ tác động, chi phối của văn hóa mà còn chủ động lựa chọn những giá trị của văn hóa*

Giữa văn học và văn hoá có mối quan hệ hữu cơ gắn bó mật thiết với nhau, không thể tách rời. Cho nên việc tìm hiểu, khám phá văn học dưới góc nhìn văn hoá thì cần phải làm rõ mối quan hệ này để có hướng nghiên cứu khoa học hợp lí, đúng đắn và hiệu quả nhất.

#### ***1.3.2. Dạy học tác phẩm văn học dưới góc nhìn văn hóa***

##### *1.3.2.1. Mục tiêu*

Về mặt kiến thức, giúp HS cảm nhận được những giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật trong tác phẩm. Về mặt kĩ năng, giúp HS biết cách đọc văn bản theo từng thể loại và tiếp nhận các yếu tố văn hóa trong tác phẩm. Về thái độ, giúp HS biết trân trọng những giá trị văn hóa tốt đẹp mà tác giả gửi gắm, kí thác vào tác phẩm.

##### *1.3.2.2. Các phương diện văn hoá trong đọc hiểu tác phẩm văn học*

Tiếp cận tác phẩm văn học dưới góc nhìn văn hóa được khám phá trên các phương diện: nội dung, nghệ thuật, phương pháp dạy học, phương diện hồi ứng văn hóa của HS. Vì vậy, quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học theo hướng văn hóa là đúng đắn và hợp lí.

##### *1.3.2.3. Cách thức tổ chức dạy học*

Để giúp HS tiếp cận theo hướng văn hóa trong dạy học tác phẩm văn học, GV cần chú ý kỹ khâu tổ chức dạy học trên lớp, ngoài lớp. Làm được điều này sẽ khám phá được mối quan hệ nhiều mặt giữa văn học và văn hóa luôn gắn bó mật thiết xuyên thấu lẫn nhau, từ đó giúp HS nhận thấy được chiều sâu của vẻ đẹp văn học.

## **Chương 2: TỔ CHỨC DẠY HỌC THƠ VĂN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU DƯỚI GÓC NHÌN VĂN HÓA NAM BỘ**

Chương 2 gồm có bốn mục lớn: *Mục 1.* Thực trạng dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong nhà trường phổ thông hiện nay; *Mục 2.* Định hướng dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ; *Mục 3.* Quy trình tổ chức dạy học thơ văn dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ; *Mục 4.* Tổ chức hoạt động ngoại khóa.

### **2.1. Thực trạng dạy học thơ văn NĐC trong nhà trường PT hiện nay**

#### **2.1.1. SGK, SGV và việc dạy học thơ văn NĐC ở trường PT hiện nay**

##### *2.1.1.1. Mục đích khảo sát SGK và SGV*

Tìm hiểu quan điểm biên soạn SGK và SGV *Ngữ văn*, lớp 9 và *Ngữ văn*, lớp 11 trong việc hướng dẫn cách dạy học thơ văn NĐC. Từ đó, nhằm đề xuất phương pháp dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB.

##### *2.1.1.2. Kết quả*

#### *1) SGK ở Ngữ văn, lớp 9 và SGK Ngữ văn, lớp 11*

##### *a. Về cấu trúc chương trình và nội dung SGK, Ngữ văn, lớp 9*

Trong cấu trúc chương trình và nội dung SGK *Ngữ văn*, lớp 9 chỉ tập trung dạy đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*, đồng thời chú ý đến việc chuyển tải kiến thức về mặt nội dung và nghệ thuật chứ chưa yêu cầu chú ý khám phá đặc điểm riêng của đoạn trích này, đặc biệt là gắn liền với những giá trị VHNB.

##### *b. Cấu trúc chương trình và nội dung SGK Ngữ văn, lớp 11 (bộ cơ bản) hiện hành*

Khi giới thiệu bài dạy *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* trong cấu trúc chương trình, SGK *Ngữ văn*, lớp 11, các nhà biên soạn đã đưa ra các câu hỏi về mặt nghệ thuật và có nhắc đến sắc thái NB. Tuy nhiên, SGK vẫn chưa chỉ ra cách thức khám phá VHNB theo một hệ thống rõ ràng, cụ thể.

#### *2) SGV Ngữ văn, lớp 9 và SGV Ngữ văn, lớp 11 (bộ cơ bản)*

##### *a. SGV Ngữ văn, lớp 9*

SGV cũng có chú ý đến việc gắn với môi trường VHNB, đặc biệt ở phần nghệ thuật, đó là yêu cầu GV và HS chú ý đến mặt ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gắn với lời nói thông thường và mang màu sắc địa phương NB. Tuy nhiên, SGV cũng chỉ đề cập một phần nhỏ chứ chưa xây dựng thành một hệ thống dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB.

##### *b. SGV Ngữ văn, lớp 11 (bộ cơ bản)*

SGV đưa ra những yêu cầu GV cần phải nắm vững để tìm cách tiếp cận đoạn trích và tác phẩm nhằm giúp HS cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo cũng như sự đóng góp to lớn của NĐC.

Tuy nhiên, SGK cũng chỉ dừng lại ở góc độ cung cấp kiến thức chứ chưa định hướng cho việc tổ chức dạy học tác phẩm của ông dưới góc nhìn VHNB.

### **2.1.2. Một số giáo án dạy học thơ văn NĐC**

#### *2.1.2.1. Mục đích khảo sát*

- Tìm hiểu một số giáo án tổ chức dạy học thơ văn NĐC trong nhà trường phổ thông;
- Đề xuất cách thức tổ chức thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB.

#### *2.1.2.2. Đối tượng khảo sát*

- Một số giáo án dạy học thơ văn NĐC ở trường THCS và THPT ở miền Nam (trường THCS Lê Thị Cẩm Lệ, thành phố Bạc Liêu và trường THPT Phan Ngọc Hiền, thành phố Bạc Liêu).

- Một số giáo án dạy học thơ văn NĐC ở trường THCS và THPT ở miền Bắc (trường THCS Thực nghiệm thuộc Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Liễu Giai, Hà Nội và trường THPT Minh Phú, Sóc Sơn).

#### *2.1.2.3. Nội dung khảo sát*

- Hướng tiếp cận nội dung và nghệ thuật thơ văn NĐC;
- Phương pháp tổ chức dạy học thơ văn NĐC.

#### *2.1.2.4. Đánh giá giáo án học thơ văn NĐC ở PT hiện nay*

##### *1) Đối với nội dung dạy học*

- Về mặt ưu điểm
- + Các giáo án đều tập trung vào nội dung văn bản và ngoài văn bản để khám phá thơ văn NĐC;
- + Các giáo án đều chú ý khai thác, khám phá những hình tượng và ngôn từ để giúp HS hiểu được nội dung thơ văn NĐC.

##### *- Về mặt hạn chế:*

- + Nhìn chung, tất cả các giáo án khảo sát trên đều là giáo án mang nội dung cung cấp kiến thức chứ chưa phải là giáo án phương pháp;
- + Giáo án chỉ đơn thuần khám phá mặt nội dung và nghệ thuật thơ văn NĐC, nên chưa phát huy được năng lực của HS trong quá trình khám phá thơ văn NĐC;
- + Giáo án cũng chưa giúp HS trải nghiệm những kiến thức của bản thân về vốn VHNB để tìm hiểu, khám phá bài học.

##### *2) Đối với phương pháp dạy học*

##### *- Về mặt ưu điểm*

GV nắm được yêu cầu đổi mới về phương pháp dạy học nhằm vận dụng trong quá trình dạy học như: Phương pháp nêu vấn đề, thảo luận nhóm, phương pháp gợi mở,...

Các giáo án tiến hành tương đối đầy đủ đảm bảo các bước: Kiểm tra bài cũ, triển khai nội dung bài mới, củng cố dặn dò;

Giáo án có sử dụng một số câu hỏi gợi mở để định hướng dẫn dắt người học khám phá kiến thức.

Các giáo án có sự phân bố thời gian đúng với yêu cầu của phân phối chương trình, đảm bảo đúng số tiết và hợp lí.

- Về mặt hạn chế

Chưa thật sự đa dạng tư liệu trong dạy học thơ văn NĐC. Nghĩa là thực tế GV lên lớp chỉ dựa vào hướng dẫn độc nhất của SGK, SGV nên dẫn đến tình trạng vẫn còn hiện tượng dạy học “chay”;

Một số câu hỏi GV đặt ra còn mang tính tái hiện kiến thức, chưa phát huy việc giúp HS vận dụng kiến thức bài học vào đời sống thực tế bản thân. Điều này đã làm cho giờ dạy học thơ văn NĐC trở nên thiếu tính hấp dẫn và tính thiết thực;

Giáo án chưa khuyến khích sự năng động, sáng tạo ở HS. Vì thế, giờ học chưa phát triển được cá tính, phát triển năng lực trí tuệ, cảm xúc cũng như khơi gợi niềm say mê học văn ở HS;

Điểm đáng lưu ý, GV chưa tạo được sự lôi cuốn, say mê của HS đối với thơ văn NĐC, bởi chưa giúp HS nhận ra được cái hay, cái đẹp mang đặc trưng riêng của thơ văn NĐC.

### **2.1.3. Nhận xét giờ dạy học thơ văn NĐC ở trường PT**

#### *2.1.3.1. Đối với hoạt động của giáo viên*

- Chủ yếu là dựa vào sự hướng dẫn của SGV chứ chưa thể hiện sự sáng tạo riêng trong cách tiếp cận thơ văn NĐC;

- Chủ yếu sử dụng hoạt động thuyết trình, diễn giảng;

- Các câu hỏi được GV đưa ra trong bài học hầu như tập trung thiên về tái hiện kiến thức.

#### *2.1.3.2. Đối với hoạt động của HS*

- Chủ yếu là nghe GV giảng và ghi chép bài;

- Hoạt động nhóm chưa phát huy hiệu quả, chủ yếu chỉ tập trung vào vài cá nhân tham gia xây dựng bài.

**2.1.4. Một số khảo sát khác về thực tiễn dạy và học thơ văn NĐC ở trường PT hiện nay**

#### *2.1.4.1. Mục đích khảo sát*

- Khảo sát cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy học thơ văn NĐC;

- Khảo sát năng lực cảm thụ của HS trong việc học thơ văn NĐC;

- Khảo sát sự yêu thích của HS hiện nay đối với thơ văn NĐC.

- Trên cơ sở đó, người viết đề tài đề ra những phương pháp, biện pháp dạy học theo hướng tiếp cận văn hóa mới mẻ, hợp lí hơn.

#### *2.1.4.2. Nội dung khảo sát*

1) Khảo sát điều kiện phục vụ cho học tập thơ văn NĐC

2) Khảo sát về năng lực cảm thụ của HS đối với thơ văn NĐC

3) Khảo sát sự yêu thích của HS đối với thơ văn NĐC

### 2.1.4.3. Kết quả khảo sát

1) Khảo sát điều kiện vật chất và hoạt động hỗ trợ phục vụ cho việc học tập thơ văn NĐC

Bảng 3: Khảo sát về điều kiện vật chất và hoạt động hỗ trợ phục vụ cho việc học tập thơ văn NĐC

Trường khu vực/ Đối tượng được hỏi		Số số	Điều kiện phục vụ học tập thơ văn NĐC											
			Các trang thiết bị CNTT			Các tư liệu về Nam Bộ			Xem biểu diễn nghệ thuật, phim minh họa cho dạy học thơ văn NĐC			Tổ chức tham quan		
			Có	Không	Thỉnh thoảng	Có	Không	Thỉnh thoảng	Có	Không	Thỉnh thoảng	Có	Không	Thỉnh thoảng
Miền Nam	THSC Cẩm Lệ	34			34	34				34			34	
	THPT Ngọc Hiển	35			35			35		35			35	
Miền Bắc	THCS Thực nghiệm	40	40			40					40			40
	THPT Minh Phú	38	38					38		38			38	

Phiếu số 1: Các câu hỏi về điều kiện vật chất và hoạt động hỗ trợ phục vụ cho việc dạy học thơ văn NĐC

2) Về năng lực cảm thụ của HS đối với thơ văn NĐC

Bảng 4: Khảo sát việc cảm thụ về hình tượng nhân vật khi tiếp nhận thơ văn NĐC

Trường khu vực/ Đối tượng được hỏi		Số phiếu	Hình tượng nhân vật						Phương diện khác
			Tính cách			Hành động			
			Bộc trực	Thẳng thần	Trọng nghĩa	Nghĩa hiệp	Ngang tàng	Mạnh mẽ	
Trường miền Nam	THCS Cẩm Lệ	34	7	4	3	5	4	3	8
	THPT Ngọc Hiển	35	7	4	5	7	4	5	3
Tổng cộng		69	30			28			11
Tỉ lệ %			43.5%			40.6%			15.9%
Trường miền Bắc	THCS Thực nghiệm	40	3	5	8	7	3	4	10
	THPT Minh Phú	38	3	4	7	6	5	4	9
Tổng cộng		78	30			29			19
Tỉ lệ %			38.5%			37.2%			24.4%

Phiếu số 2: Các câu hỏi việc cảm thụ về hình tượng nhân vật khi tiếp nhận thơ văn NĐC

Bảng 5: Khảo sát việc cảm thụ về hình tượng thiên nhiên cảnh vật Nam Bộ khi tiếp nhận thơ văn NĐC

Trường khu vực/ Đối tượng được hỏi		Số phiếu	Hình tượng thiên nhiên, cảnh vật Nam Bộ					Hiểu biết khác
			Địa danh		Cảnh vật			
			Thân quen	Gắn liền với sự kiện lịch sử	Hoang vắng, tươi đẹp	Mang đặc điểm sông nước		
Trường miền Nam	THCS Cẩm Lệ	34	8	5	7	9	5	
	THPT Ngọc Hiển	35	8	7	8	9	3	
Tổng cộng		69	28		33		8	
Tỉ lệ %			40.6%		47.8%		11.6%	
Trường miền Bắc	THCS Thực nghiệm	40	7	9	9	9	6	
	THPT Minh Phú	38	6	8	8	7	9	
Tổng cộng		78	30		33		15	
Tỉ lệ %			38.5%		42.3%		19.2%	

Phiếu số 3: Các câu hỏi việc cảm thụ về hình tượng thiên nhiên, cảnh vật Nam Bộ khi tiếp nhận thơ văn NĐC

Bảng 6: Khảo sát việc cảm thụ về ngôn ngữ nghệ thuật khi tiếp nhận thơ văn NĐC

Trường khu vực/ Đối tượng được hỏi		Số phiếu	Ngôn ngữ nghệ thuật								Những hiểu biết khác
			Phương ngữ Nam Bộ				Cách nói, cách nghĩ, cách cảm				
			Từ vựng	Từ láy	Hiện tượng Việt hóa	Hiện tượng biến âm	Nói ngắn gọn	Nói thẳng, không che đậy	Xưng hô thân mật	Mang nhiều sắc thái biểu cảm	
Trường miền Nam	THCS Cẩm Lệ	34	3	5	4	6	5	6	4	1	
	THPT Ngọc Hiển	35	4	6	3	5	5	5	3	4	
Tổng cộng		69	36				33				
Tỉ lệ %			52.2%				47.8%				
Trường miền Bắc	THCS Thực nghiệm	40	6	6	4	4	5	4	7	3	1
	THPT Minh Phú	38	7	5	4	3	4	4	6	3	2
Tổng cộng		78	39				36				3
Tỉ lệ %			50%				46.2%				3.8%

Phiếu số 4: Các câu hỏi việc cảm thụ về ngôn ngữ nghệ thuật khi tiếp nhận thơ văn NĐC

## 3) Sự yêu thích của HS đối với thơ văn NĐC

Bảng 7: Khảo sát sự yêu thích của HS đối với thơ văn NĐC

Trường khu vực/ Đối tượng được hỏi		Số phiếu	Thích học	Không thích học	Không rõ quan điểm	Quan điểm khác
Trường Miền Nam	THCS Cẩm Lệ	37	23	10	4	
	THPT Ngọc Hiển	35	18	12	5	
Tổng cộng		69	41	22	9	
Tỉ lệ %			59.4%	31.9%	13%	
Trường miền Bắc	THCS Thực nghiệm	40	17	10	13	
	THPT Minh Phú	38	14	15	9	
Tổng cộng		78	31	25	22	
Tỉ lệ %			39.7%	32%	28.2%	

Phiếu số 5: Khảo sát sự yêu thích đối với thơ văn NĐC

## 2.1.4.4. Đánh giá khảo sát

Qua các bảng khảo sát trên, về cơ sở vật chất ở các trường phổ thông phục vụ cho giảng dạy thơ văn NĐC, chúng tôi nhận thấy các trường PT, đặc biệt ở trường PT khu vực miền Nam, mà chúng tôi chọn để khảo sát thực nghiệm thì còn thiếu thốn, chưa thật sự đáp ứng theo yêu cầu. Còn khảo sát về năng lực cảm thụ của HS đối với giờ dạy học thơ văn NĐC thì cho thấy kết quả thu về tỷ lệ đạt còn thấp. Đặc biệt là kết quả việc khảo sát sự yêu thích đối với việc học thơ văn NĐC thì tỷ lệ HS không thích và không rõ quan điểm còn chiếm tỷ lệ cao so với số lượng thích học.

## 2.1.5. Nhận xét chung

Như vậy, qua việc khảo sát thực trạng dạy học thơ văn NĐC ở một số trường PT trong Nam, ngoài Bắc vừa nêu trên, chúng tôi nhận thấy thực trạng nhà trường còn thiếu các tài liệu tham khảo, đặc biệt là tài liệu có liên quan đến VHNB để giúp HS mở rộng kiến thức bài học. Bên cạnh đó, chúng tôi nhận thấy SGK, SGV, giáo án của GV trong quá trình hướng dẫn, giảng dạy ít nhiều cũng có đề cập đến sắc thái VHNB nhưng việc tổ chức dạy học thơ văn NĐC ở phổ thông hiện nay theo hướng dưới góc nhìn VHNB thì chưa ai xây dựng và đưa ra cách tiếp cận này thành một hệ thống cụ thể, rõ ràng.

## 2.2. Định hướng dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ

### **2.2.1. Chú trọng khai thác bối cảnh thời đại để làm sống dậy không khí và bối cảnh văn hóa một thời về vùng đất, con người Nam Bộ**

Khám phá thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB thì việc chú ý khai thác bối cảnh thời đại sẽ giúp HS hiểu và nhận ra vẻ đẹp của vùng đất và con người NB, đồng thời cảm nhận được những sự kiện đầy biến động của lịch sử dân tộc nói chung, ở NB nói riêng vào giai đoạn cuối thế kỉ XIX, cũng như bao nỗi niềm, tình cảm, cảm xúc của tác giả đã gửi gắm vào trong những hình tượng nghệ thuật của tác phẩm.

### **2.2.2. Tập trung vào hình tượng nhân vật qua tính cách, tâm lí, hành vi ứng xử để thấy vẻ đẹp riêng của con người Nam Bộ**

Khám phá hình tượng nhân vật trong thơ văn NĐC nhằm để giúp HS nhận ra những tính cách, hành vi ứng xử của các nhân vật mang vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn rất thuần hậu, hồn nhiên, chất phác và trong sáng của người NB vào những năm cuối thế kỉ XIX.

### **2.2.3. Vận dụng tổng hợp các nguồn tư liệu, kiến thức liên ngành để khám phá thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ**

Dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB, ngoài SGK do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành, GV cần cung cấp thêm nhiều nguồn tư liệu khác có liên quan đến VHNB để giúp cho HS tiếp nhận khám phá tác phẩm được cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Ngoài nguồn tư liệu tham khảo sách vở, GV còn có thể sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học trực quan, như: phương tiện nghe, nhìn, tranh ảnh, biểu bảng,... Bên cạnh đó, GV còn phải vận dụng các kiến thức liên ngành để khám phá thơ văn NĐC như lịch sử, xã hội, văn hóa,... để cho giờ dạy học đạt hiệu quả cao.

### **2.2.4. Tập trung khai thác ngôn ngữ mang sắc thái Nam Bộ**

Dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB, GV nên khai thác triệt để mặt ngôn ngữ trên các bình diện, từ vựng, ngữ nghĩa để giúp HS cảm nhận được cái hay cái đẹp của ngôn ngữ trong việc chuyển tải những thông điệp của tác giả.

## **2.3. Cách thức tổ chức dạy học thơ văn Nguyễn Đình Chiểu dưới góc nhìn văn hóa Nam Bộ**

### **2.3.1. Trước giờ học**

#### **2.3.1.1. Yêu cầu HS chuẩn bị trước bài học ở nhà**

##### **1) HS đọc văn bản**

- Đọc kĩ văn bản

- Đọc kỹ các mục *Tiểu dẫn*, *Chú thích* ở SGK

- Trả lời hệ thống câu hỏi trong SGK và các câu hỏi gợi mở thêm qua phiếu học tập. Ví dụ, chuẩn bị bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, GV yêu cầu HS điền vào phiếu học tập theo các yêu cầu dưới đây.



Bảng 8: Phiếu học tập của học sinh

Câu hỏi	Phần trả lời
(1) Em hiểu như thế nào về tên tác phẩm <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> ?	
(2) Các sự việc trong tác phẩm diễn ra trong hoàn cảnh, thời gian, địa điểm nào?	
(3.a) Tác phẩm nói đến những ai? (3.b) Những con người ấy tạo cho em ấn tượng nổi bật nhất ? Vì sao ?	
(4.a) Theo em từ ngữ tác giả sử dụng trong tác phẩm có gì đặc biệt ? (4.b) Những từ ngữ này có liên quan gì đến thái độ, tình cảm của người Nam Bộ?	
5) Thái độ, tâm trạng của tác giả đối với người nghĩa sĩ Nam Bộ như thế nào?	
6) Ý nghĩa của tác phẩm là gì?	

## 2) HS tự trải nghiệm văn hóa

- Tự sưu tầm và xem trước các video, clip phim ảnh có liên quan đến bài học.
- Chủ động sưu tầm, thu thập những tài liệu tham khảo về lịch sử, địa lí, văn hóa liên quan đến VHNB

### 2.3.1.2. Yêu cầu GV chuẩn bị trước bài học ở nhà

- Đọc kỹ văn bản, thậm chí là thuộc lòng
- Sưu tầm phim, ảnh liên quan đến tác phẩm và VHNB
- Mở rộng nhiều tài liệu, dẫn chứng có liên quan bài học
- Xác định mục tiêu cần đạt của bài học
- Tạo tình huống dẫn nhập vào bài
- Ngoài giáo án bằng văn bản, GV nên sử dụng phần mềm Powerpoint

### 2.3.2. Trong giờ học

#### 2.3.2.1. Hoạt động 1. Trải nghiệm văn hóa

1) Hoạt động trải nghiệm văn hóa bằng cách GV cho HS xem clip phim, ảnh, hay các tài liệu, giai thoại,... Sau đó, GV đặt câu hỏi liên quan đến VHNB nhằm định hướng HS nắm chắc đặc trưng VHNB làm cơ sở để khám phá tác phẩm.

2) HS vận dụng những hiểu biết thực tế của bản thân và nhớ lại những kiến thức đã học, trao đổi với bạn để trả lời.

#### 2.3.2.2. Hoạt động 2. Đọc văn bản

Đọc là phương pháp rất quan trọng đầu tiên của quá trình phân tích, khám phá tác phẩm văn chương. Đối với tác phẩm văn học trung đại nói chung, thơ văn NĐC nói riêng, thì hoạt

động đọc càng đóng vai trò quan trọng cho nên không thể thiếu vắng trong quá trình dạy học. Nhờ đọc mà giúp HS phá vỡ được lớp ngôn ngữ ban đầu để đi sâu, khám phá, tìm hiểu thông điệp thâm mỹ mà tác giả gửi gắm vào tác phẩm.

### *2.3.2.3. Hoạt động 3. Chú giải, cắt nghĩa các điển cố và từ ngữ khó mang màu sắc Nam Bộ*

Hoạt động chú giải, cắt nghĩa là những hoạt động không thể thiếu trong việc dạy học tác phẩm văn học trung đại nói chung, thơ văn NĐC nói riêng nhằm rút ngắn khoảng cách thâm mỹ giữa HS với tác phẩm. Làm được điều này, HS sẽ nhận ra vẻ đẹp tâm hồn, tình cảm và tính cách của người dân NB đối với quê hương đất nước.

### *2.3.2.4. Hoạt động 4. Tổ chức, hướng dẫn HS tìm hiểu, phân tích vẻ đẹp hình tượng nghệ thuật mang đậm màu sắc VHNB*

#### *1) Tổ chức thảo luận, đối thoại để khám phá những nội dung và giá trị mang màu sắc Nam Bộ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*

Hoạt động thảo luận, đối thoại sẽ tạo cho giờ học thêm sôi động, hấp dẫn, từ đó làm bật lên những giá trị VHNB ẩn tàng trong tác phẩm. Không những thế, nó còn giúp HS được thoải mái thảo luận, trao đổi với nhau nhằm phát huy được khả năng sáng tạo cũng như những cảm nhận sâu sắc của các em đối với thơ văn NĐC.

#### *2) Sử dụng biện pháp so sánh để làm nổi bật sắc thái Nam Bộ trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*

Trong quá trình dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB, GV nên vận dụng biện pháp so sánh để khám phá sâu nội dung tác phẩm là hết sức cần thiết. Bởi, biện pháp này không chỉ giúp HS mở rộng được kiến thức văn thơ NĐC như đề tài, nhân vật, hình ảnh, từ ngữ,... với các tác phẩm khác ở giai đoạn trước, sau và cùng thời đại tác giả mà còn giúp HS thấy được nét đặc trưng riêng đối với thơ văn của ông.

### *2.3.2.5. Hoạt động 5. Tổng kết, tìm hiểu thông điệp văn hóa – bài học nhận thức và hành động đối với cá nhân*

#### **2.3.3. Sau giờ học**

- Mở rộng tư liệu, sưu tầm
- Làm bài tập
- Tự kiểm tra đánh giá

### **2.4. Tổ chức hoạt động ngoại khóa**

#### **2.4.1. Dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB theo dự án**

Dạy học theo dự án là phương pháp mới, tuy có tốn kém về thời gian, công sức nhưng bù lại nó tạo được sự hào hứng cũng như mở rộng được kiến thức cho HS hiểu sâu về cuộc đời và thơ văn NĐC gắn liền với VHNB (không chỉ bó hẹp ở nội dung bài học mà được mở rộng kiến thức xã hội, phát huy khả năng sáng tạo của bản thân,...).

#### **2.4.2. Tổ chức buổi sinh hoạt chuyên đề về thơ văn NĐC**

Tổ chức sinh hoạt chuyên đề về thơ văn NĐC là hình thức tổ chức hết sức có ý nghĩa. Bằng các hoạt động đa dạng, sinh động sẽ giúp HS cảm nhận sâu sắc những giá trị đặc sắc của tác phẩm, đồng thời cảm thông và thấu hiểu được tâm tư, tình cảm của tác giả gửi gắm vào tác phẩm.

#### **2.4.3. Tổ chức tham quan (Đối với các tỉnh/ thành ở xa Bến Tre, xa NB, GV có thể khắc phục hoạt động này bằng cách cho HS xem phim, video, tranh ảnh, bảo tàng....)**

Đưa bài giảng thơ văn NĐC vào đời thường bằng thực tế sinh động, hấp dẫn. Điều quan trọng nữa, hoạt động này còn giúp HS được đến với thiên nhiên của vùng đất NB, từ đó vun đắp cho HS về lòng tự hào, tình yêu quê hương và con người NB.

#### **2.4.4. Xem phim, cải lương, biểu diễn nghệ thuật về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu**

Tạo sự thoải mái và giải trí, tạo điều kiện cho HS vừa chơi vừa học, đồng thời giúp HS được tự do bộc lộ quan điểm, thái độ, tình cảm của bản thân về thơ văn NĐC đã học.

### **Chương 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM**

Chương 3 có bảy mục lớn: *Mục 1.* Mục đích thực nghiệm; *Mục 2.* Yêu cầu thực nghiệm; *Mục 3.* Đối tượng và địa bàn thực nghiệm; *Mục 4.* Thời gian thực nghiệm; *Mục 5.* Cách thức tiến hành thực nghiệm; *Mục 6.* Thiết kế giáo án thực nghiệm; *Mục 7.* Tổ chức thực nghiệm.

#### **3.1. Mục đích thực nghiệm**

- Nhằm chứng minh tính khả thi của phương pháp này, đồng thời định hướng và xây dựng qui trình dạy học thơ văn NĐC từ hướng tiếp cận VHNB cũng như bồi dưỡng, phát triển năng lực cho HS. Từ đó, muốn góp phần nâng cao hiệu quả dạy học thơ văn NĐC trong nhà trường THCS và THPT.

#### **3.2. Yêu cầu thực nghiệm**

- Giáo án và quá trình thực nghiệm phải thể hiện được tương đối rõ nét việc vận dụng dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB vào thực tế dạy học ở trường THCS và THPT.

- Xây dựng giáo án mẫu, tổ chức thực nghiệm, đánh giá, điều chỉnh giáo án và định ra khuyến nghị nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của phương pháp mới.

#### **3.3. Đối tượng và địa bàn thực nghiệm**

##### **3.1.1. Trường THCS và THPT ở phía Nam**

- Trường THCS Lê Thị Cẩm Lệ, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
- Trường THPT Phan Ngọc Hiển, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

##### **3.1.2. Trường THCS và THPT ở phía Bắc**

- Trường THCS Thực nghiệm, Liễu Giai thuộc Viện Khoa học giáo dục Việt Nam
- Trường THPT Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội

### **3.4. Thời gian thực nghiệm**

Thực nghiệm dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB trong năm học 2014 – 2015.

### **3.5. Cách thức tiến hành thực nghiệm**

Chúng tôi đưa ý tưởng dạy học được đề xuất trong luận án để GV phổ thông trực tiếp đứng lớp thiết kế giáo án phục vụ cho giờ dạy học thực nghiệm. GV thiết kế bài dạy về đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* ở *Ngữ văn*, lớp 9 và bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* ở *Ngữ văn*, lớp 11 được tổ chức dạy học dưới góc nhìn VHNB. Khi tiến hành giờ dạy học thực nghiệm, GV của Tổ bộ môn được mời đến tham dự và đóng góp ý kiến cho giờ dạy theo hình thức đổi mới sinh hoạt chuyên môn. Trên cơ sở rút kinh nghiệm giờ dạy thực nghiệm, chúng tôi chỉnh sửa cho giáo án được hoàn thiện hơn.

### **3.6. Thiết kế giáo án thực nghiệm: đoạn trích “*Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*” và bài “*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*” dưới góc nhìn VHNB**

#### **3.6.1. Giáo án đoạn trích “*Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*”, *Ngữ văn*, lớp 9**

#### **3.6.2. Giáo án tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Ngữ văn*, lớp 11**

#### **3.6.3. Thuyết minh ý tưởng giáo án thực nghiệm**

Việc tổ chức dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB qua hình thức trong giờ lên lớp cho đến hoạt động ngoại khóa ngoài giờ lên lớp đã tạo cho bài soạn giảng thực nghiệm có nhiều điểm mới mẻ so với giáo án truyền thống dạy học thơ văn NĐC ở phổ thông bấy lâu nay.

### **3.7. Tổ chức thực nghiệm**

#### **3.7.1. Biện pháp đánh giá giờ thực nghiệm**

##### **a) Tham dự giờ dạy và quan sát giờ học**

Nói chung, khi được học giờ thực nghiệm HS đều có nhận xét là học giờ vừa sức, hấp dẫn, phù hợp với trình độ, nhận thức và tạo được sự yêu thích của họ đối với thơ văn NĐC cũng như thấy được nét đẹp riêng của thơ văn NĐC.

##### **b) Khảo sát lấy ý kiến nhận xét của GV và HS qua bài soạn, giờ dạy thực nghiệm**

- Khảo sát lấy ý kiến GV

- Khảo sát lấy ý kiến HS

##### **c) Đánh giá qua bài kiểm tra sau khi kết thúc giờ thực nghiệm**

- Tiêu chí bài kiểm tra: xây dựng dựa trên cơ sở chương trình chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu nhằm làm rõ yêu cầu mục tiêu cần đạt của bài học.

- Hình thức bài kiểm tra gồm hai phần: trắc nghiệm và tự luận.

- Cách đánh giá bài kiểm tra:

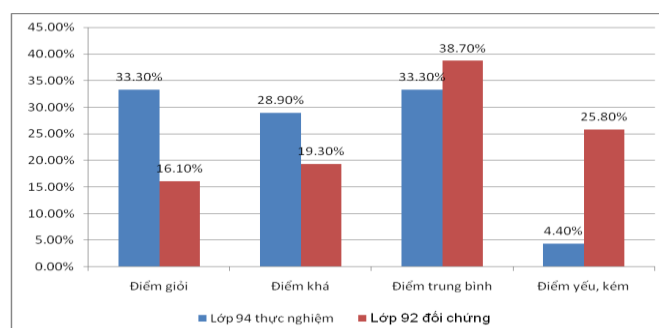
#### **3.7.2. Kết quả thực nghiệm qua bài kiểm tra**

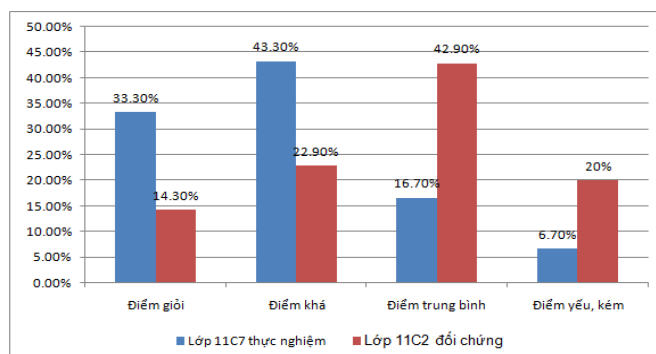
Bảng 9: Thống kê kết quả bài kiểm tra lớp thực nghiệm và lớp đối chứng ở các trường PT trong Nam

Trường khu vực		Lớp	Tổng số HS	Điểm giỏi	Điểm khá	Điểm trung bình	Điểm yếu, kém
Trường miền Nam	THCS Cẩm Lệ, Bạc Liêu	Lớp 94 thực nghiệm	45	15	13	15	2
		Tỉ lệ%		33.3%	28.9%	33.3%	4.4%
		Lớp 92 đối chứng	31	5	6	12	8
		Tỉ lệ%		16.1%	19.3%	38.7%	25.8%
	THPT Ngọc Hiển, Bạc Liêu	Lớp 11C7 thực nghiệm	30	10	13	5	2
		Tỉ lệ%		33.3%	43.3%	16.7%	6.7%
		Lớp 11C2 đối chứng	35	5	8	15	7
		Tỉ lệ%		14.3%	22.9%	42.9%	20%

Bảng 10. Tổng hợp so sánh kết quả bài kiểm tra lớp thực nghiệm và lớp đối chứng ở các trường PT trong Nam

Đối tượng	Thực nghiệm		Đối chứng		Kết quả		
	SL	%	SL	%	Tăng/giảm	SL	%
G	25	66.6	10	30.4	>	15	36.2
K	26	72.2	14	42.2	>	12	30.0
TB	20	50.0	27	81.6	<	07	31.6
Y, K	04	11.1	15	45.8	<	11	34.7



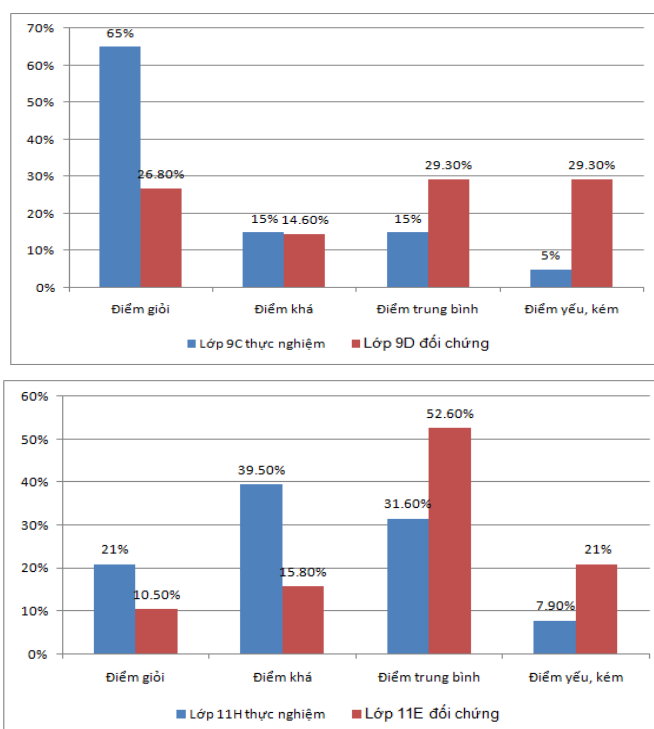


Bảng 11: Thống kê kết quả bài kiểm tra lớp thực nghiệm và lớp đối chứng ở các trường PT ngoài Bắc

Trường khu vực		Lớp	Tổng số HS	Điểm giỏi	Điểm khá	Điểm trung bình	Điểm yếu, kém
Trường miền Bắc	THCS Thực nghiệm, Liễu Giai, Hà Nội	Lớp 9C thực nghiệm	40	26	6	6	2
		Tỉ lệ%		65%	15%	15%	5%
		Lớp 9D đối chứng	41	11	6	12	12
		Tỉ lệ%		26,8%	14,6%	29,3%	29,3%
	THPT Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	Lớp 11H thực nghiệm	38	8	15	12	3
		Tỉ lệ%		21%	39.5%	31.6%	7.9%
		Lớp 11E đối chứng	38	4	6	20	8
		Tỉ lệ%		10.5%	15.8%	52.6%	21%

Bảng 12. Tổng hợp so sánh kết quả bài kiểm tra lớp thực nghiệm và lớp đối chứng ở các trường PT ngoài Bắc

Đối tượng	Thực nghiệm		Đối chứng		Kết quả		
	SL	%	SL	%	Tăng/giảm	SL	%
G	34	86.0	15	37.3	>	19	48.7
K	21	54.5	12	30.4	>	09	21.1
TB	18	46.6	32	54.9	<	24	8.3
Y, K	05	12.9	20	50.3	<	15	37.4



Qua kết quả thực nghiệm này, chúng tôi có thể khẳng định rằng đây là cơ sở vững chắc để chứng minh việc dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB là hướng tiếp cận đúng đắn, có tính khả thi và dự báo sẽ mang lại hiệu quả cao nếu được áp dụng vào trong dạy học ở trường PT. Tuy nhiên, khi tiến hành thực nghiệm vẫn còn phát sinh một số hạn chế nhất định về môi trường học tập, về GV lẫn HS,... Vì thế cần phải điều chỉnh thay đổi sao cho phù hợp để giờ dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB đạt hiệu quả cao.

## PHẦN KẾT LUẬN

1) NB là vùng đất mới được những người lưu dân đến khai phá, lập nghiệp cách nay khoảng trên ba trăm năm. Do điều kiện môi trường tự nhiên và xã hội mang đặc thù riêng nên đã tạo được nét văn hóa khác biệt so với các vùng miền trên đất nước.

2) NĐC là người con ưu tú của vùng đất NB và là tác gia tiêu biểu của dòng văn học trung đại ở cuối thế kỉ XIX. Đóng góp của thơ văn ông không chỉ ca ngợi, tính cách, phẩm chất cao đẹp, sáng ngời của người dân NB mà còn phản ánh vùng đất và con người nơi đây vào thơ văn một cách hết sức tự nhiên, sống động, mang được hơi thở rất riêng. Do đó, thơ văn ông thấm đẫm những giá trị văn hóa của vùng đất và con người NB.

3) Việc dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB là hướng tiếp cận mới, đúng đắn và khoa học, bởi hướng tiếp cận này có sự kết nối liên mạch giữa yếu tố trên văn bản và các yếu tố ngoài văn bản để nhằm tập trung làm bật lên giá trị văn hóa trong thơ văn NĐC. Đồng thời, cách tiếp cận này còn tạo được sự hứng thú học tập, vì ngoài việc tiếp thu những giá trị nội dung, nghệ thuật gắn liền với giá trị VHNB, HS còn biết vận dụng kiến thức từ bài học vào thực tiễn để vận dụng, giải quyết những vấn đề trong đời sống của bản thân.

4) Nghiên cứu đề tiến hành dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB là một cách tiếp cận khả thi trong công cuộc đổi mới phương pháp dạy học thơ văn ông ở trường PT hiện nay.

5) Từ những cơ sở lí luận và thực tiễn được làm sáng tỏ trong đề tài, chúng tôi đề xuất những định hướng và quy trình dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB và đây được xem là cơ sở để hướng dẫn GV và HS tổ chức, thực hiện trong quá trình khám phá thơ văn ông theo hướng mới

6) Những định hướng tiếp cận và quy trình nêu trên đã được sử dụng để dạy học thực nghiệm hai bài dạy: Đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (SGK Ngữ văn, lớp 9, tập 1) và bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (SGK Ngữ văn, lớp 11, tập 1) dưới góc nhìn VHNB ở 4 trường trong Nam và ngoài Bắc. Kết quả thu được khả quan, đáp ứng được mục đích nghiên cứu đã đề ra, bước đầu khẳng định tính đúng đắn của giả thuyết khoa học, cũng như những phản hồi tích cực từ cả GV và HS.

7) Đề đổi mới dạy học thơ văn NĐC dưới góc nhìn VHNB, chúng tôi có một số đề nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

- Cần trang bị thêm cơ sở vật chất và các thiết bị dạy và học.
- Cần phải cho GV được chủ động về mặt thời gian số tiết giảng dạy cho bài dạy chứ không nên quy định về mặt thời lượng, số tiết trong giờ dạy.
- Cần có nguồn kinh phí để tổ chức thực hiện hoạt động, ngoại khóa, tham quan thực địa cho HS.

8) Với đề tài luận án này, chúng tôi mong muốn góp phần thay đổi nhận thức của GV và HS trong việc dạy học thơ văn NĐC theo hướng tiếp cận mới, tiếp cận dưới góc nhìn VHNB. Hướng tiếp cận mới này sẽ mang lại hiệu quả và chất lượng cao cho giờ dạy học thơ văn ông ở trong nhà trường PT.